

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
MINISTRY OF EDUCATION AND TRAINING
TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỞ
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
HO CHI MINH CITY OPEN UNIVERSITY

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence-Freedom-Happiness

HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
GUIDELINE FOR PROGRAMME DELIVERY
Ngành/Major: Ngành Luật/Law

1. Danh mục môn học tương đương – thay thế/List of equivalent/alternative courses

STT No.	Môn học trong chương trình 2021/ Course in previous programme			Môn học trong chương trình 2023/ Course in current programme		
	Tên môn học/ Course name	Mã môn học/ Course Code	Số tín chỉ/ Credits	Tên môn học/ Course name	Mã môn học/ Course Code	Số tín chỉ/ Credits
1. Danh mục môn học tương đương						
1.	Thống kê ứng dụng	BADM1377	3	Thống kê ứng dụng	BADM1305	3
2.	Tiếng Anh nâng cao 1	GENG1339	3	Tiếng Anh nâng cao 1	GENG1311	3
3.	Tiếng Anh nâng cao 2	GENG1340	3	Tiếng Anh nâng cao 2	GENG1312	3
4.	Tiếng Anh nâng cao 3	GENG1341	3	Tiếng Anh nâng cao 3	GENG1313	3
5.	Tiếng Anh nâng cao 4	GENG1342	3	Tiếng Anh nâng cao 4	GENG1314	3
6.	Tiếng Anh nâng cao 5	GENG1343	3	Tiếng Anh nâng cao 5	GENG1315	3
7.	Luật tố tụng hình sự	BLAW1222	2	Luật tố tụng hình sự	BLAW1204	2
8.	Luật tố tụng dân sự	BLAW1325	3	Luật tố tụng dân sự	BLAW3302	3

STT No.	Môn học trong chương trình 2021/ Course in previous programme			Môn học trong chương trình 2023/ Course in current programme		
	Tên môn học/ Course name	Mã môn học/ Course Code	Số tín chỉ/ Credits	Tên môn học/ Course name	Mã môn học/ Course Code	Số tín chỉ/ Credits
9.	Pháp luật về hoạt động thương mại và giải quyết tranh chấp	GLAW1321	3	Pháp luật về hoạt động thương mại và giải quyết tranh chấp	GLAW2303	3
10.	Luật lao động	BLAW1317	3	Luật lao động	BLAW2303	3
11.	Luật thuế	BLAW2330	3	Luật thuế	BLAW1332	3
12.	Kỹ năng viết và nghiên cứu pháp lý	BLAW1229	2	Kỹ năng viết và nghiên cứu pháp lý	BLAW1213	2
13.	Kỹ năng soạn thảo văn bản	BLAW1228	2	Kỹ năng soạn thảo văn bản	BLAW1212	2
14.	Luật thương mại quốc tế	BLAW2319	3	Luật thương mại quốc tế	BLAW4301	3
15.	Luật sở hữu trí tuệ	BLAW2331	3	Luật sở hữu trí tuệ	BLAW4304	3
16.	Luật ngân sách nhà nước	BLAW2210	2	Luật ngân sách nhà nước	BLAW1205	2
17.	Luật tổ tụng hành chính	GLAW1222	2	Luật tổ tụng hành chính	GLAW3204	2
18.	Luật đất đai	BLAW1324	3	Luật đất đai	BLAW3304	3
19.	Thực hành nghề nghiệp ngành luật	GLAW1223	2	Thực hành nghề nghiệp ngành luật	GLAW1305	3
20.	Luật thi hành án dân sự	GLAW3317	3	Luật thi hành án dân sự	BLAW1331	3
21.	Kỹ năng tổ chức công sở	GLAW1225	2	Kỹ năng tổ chức công sở	GLAW3206	2
22.	Kỹ năng soạn thảo hợp đồng	BLAW3311	3	Kỹ năng soạn thảo hợp đồng	BLAW1336	3

STT No.	Môn học trong chương trình 2021/ Course in previous programme			Môn học trong chương trình 2023/ Course in current programme		
	Tên môn học/ Course name	Mã môn học/ Course Code	Số tín chỉ/ Credits	Tên môn học/ Course name	Mã môn học/ Course Code	Số tín chỉ/ Credits
23.	Pháp luật về luật sư, kỹ năng tư vấn pháp luật và tranh tụng	GLAW3316	3	Pháp luật về luật sư, kỹ năng tư vấn và tranh tụng	BLAW1334	3
24.	Nguyên lý kế toán	ACCO1325	3	Nguyên lý kế toán	ACCO2301	3
25.	Quản trị học	BADM1364	3	Quản trị học	BADM1301	3
26.	Maketing căn bản	BADM1372	3	Maketing căn bản	BADM2301	3
27.	Hành vi tổ chức	BADM1370	3	Hành vi tổ chức	BADM3315	3
28.	Quản trị nhân lực	BADM1366	3	Quản trị nhân lực	BADM2303	3
29.	Quan hệ công chúng	BADM1369	3	Quan hệ công chúng	BADM3305	3
30.	Giao tiếp liên văn hoá	SEAS2333	3	Giao tiếp liên văn hoá	SEAS1305	3
31.	Hệ thống hoạch định nguồn lực doanh nghiệp	ACCO1355	3	Hệ thống hoạch định nguồn lực doanh nghiệp	MISY3302	3
32.	Tài chính cá nhân	FINA1330	3	Tài chính cá nhân	FINA3311	3
33.	Khởi nghiệp	BADM1390	3	Khởi nghiệp	BADM2315	3
2. Danh mục môn học thay thế						
1.	Lịch sử nhà nước và pháp luật	BLAW1302	3	Quản trị học	BADM1364	3
2.				Quản trị học	BADM1301	3
3.				Quản trị chiến lược	BADM1380	3
4.				Quản trị chiến lược	BADM4301	3

QUỐC
HỌ
NH
CHỈ



STT No.	Môn học trong chương trình 2021/ Course in previous programme			Môn học trong chương trình 2023/ Course in current programme		
	Tên môn học/ Course name	Mã môn học/ Course Code	Số tín chỉ/ Credits	Tên môn học/ Course name	Mã môn học/ Course Code	Số tín chỉ/ Credits
5.	Tin học đại cương	COMP1307	3	Tin học văn phòng nâng cao	COMP1310	3
3. Danh mục môn học tương đương dành cho các ngành học khác						
1.	Luật lao động	BLAW1317	3	Pháp luật về lao động và việc làm	BLAW1306	3
2.	Luật thương mại quốc tế	BLAW2319	3	Luật kinh doanh quốc tế	BLAW1307	3
3.	Kỹ năng soạn thảo hợp đồng	BLAW3311	3	Kỹ thuật soạn thảo hợp đồng	BLAW1305	3
4. Danh mục môn học khoa không còn đào tạo, sinh viên đăng ký học lại cùng khoa khác						
1.	Nhân học đại cương	SOCI1316	3	Nhân học đại cương	SOCI1316	3
2.	Tin học ứng dụng	COMP2403	3	Tin học văn phòng nâng cao	COMP1310	3
3.	Nhập môn tin học	ITEC1401	3	Nhập môn Tin học	ITEC1401	3
4.	Phát triển cộng đồng	SWOR2302	3	Phát triển cộng đồng	SOCI2304	3
5.	Giao tiếp trong kinh doanh	BADM1368	3	Giao tiếp trong kinh doanh	BADM2311	3
6.	Giao tiếp liên văn hoá (tiếng Anh)	ENGL1272	2	Giao tiếp liên văn hoá (tiếng Anh)	ENGL4217	2
7.	Đàm phán trong kinh doanh (tiếng Anh)	ENGL2237	2	Đàm phán trong kinh doanh (tiếng Anh)	ENGL4208	2
8.	Giao tiếp trong kinh doanh (tiếng Anh)	ENGL2238	2	Giao tiếp trong kinh doanh (tiếng Anh)	ENGL4210	2

* **Lưu ý:** Sinh viên chọn học các môn học tương đương, thay thế không trùng với các môn học đã học theo danh mục môn học nêu trên để đảm bảo tích lũy đủ số tín chỉ theo quy định của chương trình đào tạo.

2. Những lưu ý khi thực hiện chương trình đào tạo/Remarks for programme delivery

a) Tính liên thông/Transferability

Chương trình đào tạo trình độ đại học đã chú ý đến tính liên thông, đảm bảo cho người học sau khi tốt nghiệp đại học có thể học lên trình độ Thạc sĩ, Tiến sĩ về luật học:

* **Các môn học đảm bảo tính liên thông giữa các ngành học:**

- Triết học;
- Luật tài sản;
- Luật hợp đồng;
- Luật công ty;
- Luật thương mại quốc tế;
- Pháp luật về giải quyết tranh chấp dân sự, thương mại quốc tế;
- Phương pháp nghiên cứu khoa học luật;
- Luật sở hữu trí tuệ;
- Pháp luật về bảo đảm nghĩa vụ;
- Luật cạnh tranh;
- Luật lao động;
- Pháp luật ngân hàng và chứng khoán;
- Luật phá sản; *MM*

V
G
M
PH
BINH
C

- Pháp luật về đất đai và môi trường trong kinh doanh.

*** Các chuẩn đầu ra đảm bảo tính liên thông với trình độ cao hơn:**

- Kiến thức:

+ Phân tích, tổng hợp và đánh giá các vấn đề chuyên môn thuộc lĩnh vực pháp luật kinh doanh;

+ Phân tích, tổng hợp và đánh giá các vấn đề chuyên môn thuộc về lĩnh vực pháp luật dân sự, pháp luật hình sự; về quản trị, kinh tế, tài chính theo lĩnh vực quan tâm;

+ Áp dụng các kiến thức triết học trong việc quản trị và quản lý.

- Kỹ năng:

+ Có kỹ năng phân tích, tổng hợp, đánh giá dữ liệu và thông tin để đưa ra giải pháp xử lý các vấn đề trong lĩnh vực pháp luật kinh doanh một cách khoa học;

+ Có kỹ năng truyền đạt tri thức dựa trên nghiên cứu, thảo luận các vấn đề trong lĩnh vực pháp luật kinh doanh với người cùng ngành và với những người khác;

+ Có kỹ năng tổ chức, quản trị và quản lý các hoạt động nghề nghiệp;


+ Có kỹ năng giao tiếp bằng ngoại ngữ, tương đương bậc 3/6 khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam.

- Mức tự chủ và trách nhiệm:

+ Khả năng thích nghi, tự định hướng và hướng dẫn người khác;

+ Khả năng đưa ra những kết luận mang tính chuyên gia trong lĩnh vực pháp luật kinh doanh;

+ Khả năng quản lý, đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn trong lĩnh vực pháp luật kinh doanh.

b) Xây dựng đề cương chi tiết các môn học/Course design 

Trên cơ sở chương trình đào tạo, giảng viên biên soạn đề cương chi tiết các môn học theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của Trường với một số điểm cần lưu ý như sau:

– Về việc triển khai chi tiết các môn học, đảm bảo tính logic của việc truyền đạt và tiếp thu các mảng kiến thức, có quy định các môn học trước của môn học kế tiếp trong chương trình đào tạo;

– Về nội dung, trừ phần kiến thức tự chọn, các môn học còn lại là bắt buộc thực hiện. Nội dung trong đề cương là những nội dung cốt lõi của môn học, có thể bổ sung thêm nội dung hay thời lượng cho một môn học nào đó, phần thời lượng thêm vào được lấy từ thời lượng môn học tự học của khối kiến thức tương ứng;

– Về phần kiến thức tự chọn, sinh viên lựa chọn các môn học trên cơ sở số tín chỉ tích lũy quy định cho nhóm môn học tự chọn để đảm bảo tích lũy đủ số tín chỉ. Phần kiến thức tự chọn hàng năm có thể thay đổi, bổ sung để đáp ứng yêu cầu cập nhật và hội nhập;

– Về yêu cầu thực hiện số lượng bài tập (nếu có) của các môn học, do giảng viên quy định nhằm giúp sinh viên nắm vững kiến thức lý thuyết, rèn luyện kỹ năng cần thiết;

– Về tài liệu học tập, tất cả các môn học đều có giáo trình/tập bài giảng/tài liệu tham khảo/tài liệu hướng dẫn... đã in sẵn để cung cấp cho sinh viên. Tùy theo nội dung các môn học, giảng viên xác định phương pháp giảng dạy cho phù hợp.

3. Tốt nghiệp/Graduation

Sinh viên được Trường xét và công nhận tốt nghiệp khi có đủ các điều kiện sau:

- Cho đến thời điểm tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập.

- Tích lũy đủ số môn học, số tín chỉ tối thiểu và đạt các yêu cầu khác về chuẩn đầu ra của Chương trình đào tạo.

- Điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học đạt từ 2,00 (theo thang điểm 4) trở lên.

- Có chứng chỉ Giáo dục quốc phòng – An ninh và hoàn thành môn học Giáo dục thể chất. *M/V*



- Có đơn gửi Phòng Quản lý đào tạo đề nghị được xét tốt nghiệp trong trường hợp đủ điều kiện tốt nghiệp sớm hoặc muộn hơn so với thời gian thiết kế của khóa học:

a. Tốt nghiệp với Khóa luận tốt nghiệp/Graduation with thesis

Sinh viên được đăng ký để thực hiện Khóa luận tốt nghiệp nếu đủ các điều kiện sau:

- Điểm trung bình đạt từ 3.0 trở lên của các môn học tương ứng (trừ 10 tín chỉ các môn tốt nghiệp và áp dụng theo thang điểm 4);
- Tích lũy đủ số tín chỉ quy định trong chương trình;
- Điểm Thực tập tốt nghiệp đạt từ 8,0 trở lên (theo thang điểm 10) hoặc từ 3,5 trở lên (theo thang điểm 4) và được sự đồng ý của giảng viên hướng dẫn.

b. Tốt nghiệp với các môn học thay thế Khóa luận tốt nghiệp/Graduation with alternative course

Đối với các môn học tích lũy để tốt nghiệp, sinh viên có thể học tích lũy dần dần ở các học kỳ. Các môn học thay thế Khóa luận tốt nghiệp được lựa chọn từ các môn học tự chọn thuộc kiến thức ngành tự chọn, kiến thức chuyên ngành tự chọn để đảm bảo đủ khối lượng tối thiểu 06 tín chỉ tích lũy theo quy định.